

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỘI AN
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2022/DS-ST

Ngày 31 - 8 - 2022.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỘI AN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhạn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Anh Thơ.

2. Bà Phạm Thị Kim Loan.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ba- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hội An tham gia phiên tòa:* Bà Phùng Thị Bông– Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hội An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2022/TL.ST - DS ngày 26 tháng 4 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST – DS ngày 13/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐST- DS ngày 04/7/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Võ Thị Ngọc D, sinh năm 1986.

Địa chỉ: khối P, phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1, Bà Phạm Thị Thu H, sinh năm 1995;

2, Ông Lê Đình Minh T, sinh năm 1999;

Cùng địa chỉ: đường L, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Là đại diện theo uỷ quyền. (*Văn bản uỷ quyền ngày 20/4/2022*)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Luật sư Trần Khánh L, sinh năm 1977 thuộc Công ty luật A tham gia tố tụng. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Công Gia K1, sinh năm 1977. Vắng mặt.

Ông Đỗ Hữu K2, sinh năm 1974. Vắng mặt.

Cùng trú tại: thôn B, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/4/2022, bản tự khai ngày 11/5/2022; trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc D; và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Đình Minh T; bà Phạm Thị Thu H trình bày:

Do quen biết nhau nên bà Võ Thị Ngọc D có cho bà Nguyễn Công Gia K1 mượn một số tiền để vợ chồng bà dùng làm vốn buôn bán, làm ăn. Cụ thể như sau: Vào các ngày 06/12/2021 cho mượn 500.000.000 đồng; ngày 09/12/2021 cho mượn 500.000.000 đồng; tổng cộng là 1.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ đồng chẵn). Mỗi lần mượn tiền bà K1 đều viết giấy xác nhận nội dung mượn em Ly (Ly là tên ở nhà của bà D) số tiền nói trên và hẹn 20 đến 30 ngày sẽ hoàn lại số tiền trên cho nguyên đơn. Nhưng khi hết hạn thanh toán nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu, liên hệ trực tiếp để yêu cầu bà K1 và chồng thanh toán số tiền đã cho mượn. Nhưng vợ chồng bà K1 chỉ hứa hẹn, cam kết rồi không thực hiện. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Công Gia K1 và ông Đỗ Hữu K2 có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn số tiền nợ còn thiếu là: 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng và có trách nhiệm thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày chậm thanh toán đến ngày tòa án xét xử vụ án và chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định của pháp luật. Tiền lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (31/8/2022) như sau:

- Lần mượn thứ nhất từ ngày 27/12/2021 đến 31/8/2022:

$$500.000.000 \text{ đồng} \times 248 \text{ ngày} \times \frac{10\% \text{ năm}}{365 \text{ ngày}} = 33.972.602 \text{ đồng.}$$

- Lần mượn thứ hai từ ngày 10/01/2022 đến 31/8/2022:

$$500.000.000 \text{ đồng} \times 243 \text{ ngày} \times \frac{10\% \text{ năm}}{365 \text{ ngày}} = 32.054.795 \text{ đồng.}$$

Tổng cộng tiền lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày 31/8/2022 là: 66.027.000 đồng (*Sáu mươi sáu triệu không trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm chín bảy đồng*)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần Khánh L, thống nhất ý kiến của đại diện nguyên đơn và không bổ sung gì thêm.

+ Bị đơn ông Đỗ Hữu K2 trình bày: Đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu tôi liên đới trả số tiền nợ mà vợ tôi đã mượn của nguyên đơn tôi không đồng ý, tôi không mượn tiền, không thỏa thuận ký nhận tiền và tôi cũng không biết vợ tôi mượn tiền để làm gì. Tôi không có trách nhiệm phải trả số tiền mà vợ tôi đã mượn của nguyên đơn. Tôi thừa nhận chữ viết tại giấy mượn tiền chị Ly cung cấp là của vợ tôi. Chị Ly và chị Võ Thị Ngọc D là một người. Tôi đã báo cho vợ tôi về việc khởi kiện cũng như yêu cầu của nguyên đơn nhưng vợ tôi không có ý kiến gì. Về số tiền cụ thể vợ tôi mượn của chị Ly (D) thì tôi không rõ, hiện nay vợ tôi không có mặt tại địa phương nên tôi chờ ý kiến của vợ tôi để có hướng xử lý vụ kiện này.

Trong quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn bà Nguyễn Công Gia K1 không có yêu cầu phản tố, Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng bà K1 không đến Tòa để giải quyết vụ án. Do đó Tòa án không thể ghi nhận ý kiến bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, HĐXX đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục, đúng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều 48, 51 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không thực hiện nghiêm các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Công Gia K1 trả số tiền nợ 1.000.000.000 đồng và lãi cho bị đơn bà Võ Thị Ngọc D. Bà K1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Võ Thị Ngọc D khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Công Gia K1 và ông Đỗ Hữu K2 trả tiền nợ vay cho bà. Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản; Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố H, tỉnh Quảng Nam nên Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo Thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, tham gia phiên tòa cho bà Nguyễn Công Gia K1 và ông Đỗ Hữu K2 nhưng ông, bà đều vắng mặt không có lý do. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bà Nguyễn Công Gia K1 và ông Đỗ Hữu K2 trả số tiền nợ 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*) nợ gốc.

Theo hồ sơ khởi kiện, tại bút lục số 04 thể hiện vào các ngày 06/12/2021 bà K1 có mượn nguyên đơn 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu*) đồng thời gian 20 ngày; ngày 09/12/2021 mượn 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*) thời gian 25 đến 30 ngày.

Tại bản trình bày ngày 11 tháng 5 năm 2022 (bút lục số 51), biên bản lấy lời khai ngày 15 tháng 6 năm 2022 (bút lục số 82), biên bản hòa giải 25 tháng 5 năm 2022 (bút lục số 79,80,81) ông Đỗ Hữu K2 thừa nhận giữa vợ ông và nguyên đơn có mối quan hệ bạn bè, chữ viết tại bút lục số 04 là của vợ ông bà Nguyễn Công Gia K1 và chị Ly là tên thường gọi của bà Võ Thị Ngọc D. Ông có biết việc vợ ông mượn tiền của nguyên đơn. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Công Gia K1 đã được thông báo về nội dung vụ kiện nhưng bà K1 không có ý kiến gửi đến Tòa.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Giao dịch giữa các bên là hợp đồng vay tài sản, các bên có lập thành văn bản, có ghi số tiền vay, thời hạn trả tiền, ký tên. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày hợp đồng vay giữa nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận lãi, có thỏa thuận thời gian trả tiền. Đối chiếu với quy định

tại Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi.

Như vậy đủ cơ sở xác định bà Nguyễn Công Gia K1 có mượn của nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc D số tiền 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*).

Đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu ông Đỗ Hữu K2 cùng chịu trách nhiệm trả số tiền nợ cho nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Tài liệu chứng cứ nguyên đơn khởi kiện tại bút lục số 04 thể hiện chữ viết và chữ ký của bà Nguyễn Công Gia K1, không thể hiện nội dung mượn tiền. Mặc khác, tại các phiên làm việc ông Đỗ Hữu K2 trình bày không biết vợ ông mượn tiền để làm gì, ông chỉ biết khi nguyên đơn đến đòi nợ và ông không có liên quan đến khoản nợ mà nguyên đơn cho vợ ông bà Nguyễn Công Gia K1 mượn. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn khẳng định việc thỏa thuận mượn tiền và nhận tiền chỉ một mình bà K1, Căn cứ Điều 37 Luật Hôn nhân Gia đình, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: *“Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại mà theo quy định của pháp luật vợ chồng cùng phải chịu trách nhiệm; Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình”*.

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn không chứng minh được bà K1 vay nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên đây là khoản nợ của cá nhân bà K1, không có căn cứ buộc ông Đỗ Hữu K2 cùng chịu trách nhiệm trả nợ.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Công Gia K1 phải thanh toán số tiền vay là 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*) cho bà Võ Thị Ngọc D.

[2.2] Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi đối với số nợ gốc theo mức lãi suất 10%/năm, thời gian tính lãi kể từ ngày bị đơn vi phạm thời hạn thanh toán.

Xét thấy, tại bút lục số 04 giấy vay tiền không thể hiện lãi; bà Nguyễn Công Gia K1 đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho bà Võ Thị Ngọc D, đối chiếu quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự, Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

Tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi suất 10%/năm là phù hợp với quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn, cụ thể tiền lãi được tính như sau:

- Lần mượn thứ nhất 500.000.000 đồng từ ngày 27/12/2021 đến 31/8/2022 là 248 ngày.

$$500.000.000 \text{ đồng} \times 248 \text{ ngày} \times \frac{10\% \text{ năm}}{365 \text{ ngày}} = 33.972.602 \text{ đồng}$$

- Lần mượn thứ hai 500.000.000 đồng từ ngày 10/01/2022 đến 31/8/2022 là 243 ngày.

$$500.000.000 \text{ đồng} \times 243 \text{ ngày} \times \frac{10\% \text{ năm}}{365 \text{ ngày}} = 32.054.795 \text{ đồng.}$$

[2.3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Ngọc D, buộc bà Nguyễn Công Gia K1 có nghĩa vụ trả cho bà D số tiền nợ gốc 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*), tiền lãi 66.027.397 đồng (*Sáu mươi sáu triệu không trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm chín bảy đồng*), tổng cộng số tiền gốc và lãi là 1.066.027.397 đồng (*Một tỷ không trăm sáu mươi sáu triệu không trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm chín bảy đồng*).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Hội đồng xét xử đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Bị đơn bà Nguyễn Công Gia K1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.066.027.397 đồng $\times 5\% = 43.980.000$ đồng (*Bốn mươi ba triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng*). án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 463 và khoản 1; 4 Điều 466; Điều 468; Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc D đối với bị đơn bà Nguyễn Công Gia K1.

2. Buộc bà Nguyễn Công Gia K1 phải trả cho bà Võ Thị Ngọc D số tiền 1.066.027.397 (trong đó tiền vay là 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*) và tiền lãi 66.027.397 đồng (*Sáu mươi sáu triệu không trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm chín bảy đồng*)).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí Dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Công Gia K1 phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là 43.980.000 đồng (*Bốn mươi ba triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng*).

- Hoàn trả lại cho bà Võ Thị Ngọc D số tiền tạm ứng án phí đã nộp 21.665.000 đồng (*Hai mươi một triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0007154 ngày 26/4/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (31/8/2022), đối với đương sự vắng mặt có quyền

kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thành phố Hội An;
- Chi cục THADS thành phố Hội An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Nhạn